TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA AN** **TỈNH CAO BẰNG** Số: 01/2021/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hòa An, ngày 06 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T**; sinh ngày: 06/04/1983

CMND số: 080521531, cấp ngày 03/5/2018 tại Công an tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm 1, B, thị trấn N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Anh **Bế Nhật D**; sinh ngày: 09/11/1985

CMND số: 080456146, cấp tại Công an tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm 1, B, thị trấn N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hoàng Thị T và anh Bế Nhật D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị T và anh D cùng thỏa thuận nhất trí tự nguyện thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D chấm dứt kể từ ngày ban hành Quyết định này.

- Về con chung: Chị T và anh D cùng thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Bế Nhật T1 (Sinh ngày 02/5/2007). Sau khi ly hôn, các bên đương sự thỏa thuận cháu T1 sẽ do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến đủ tuổi thành niên (18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về nghĩa vụ cấp dưỡng**: Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh D về việc chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh D cùng thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung; có vay nợ chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T và anh D mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước cho việc thuận tình ly hôn. Chị T tự nguyện nộp án phí dân sự bao gồm cả phần của anh D với tổng số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0001501 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, Cao Bằng. Nay chị T được hoàn lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà An;
- CC THADS huyện Hoà An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- UBND thị trấn N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nông Công Hưng